TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – V**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2025/QĐST–DS	*V, ngày 20 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 242/2025/TLST- DS ngày 04 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1979.

Địa chỉ (cũ): 785, ấp G, xã P, huyện G, tỉnh B.

- Ông Nguyễn Trung L, sinh năm: 1971 (tên gọi khác: Do)

Địa chỉ (cũ): 464, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh B.

Nay là xã L, tỉnh V

Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn là ông **Huỳnh Minh T**, sinh năm: 1979; Địa chỉ (cũ): 334, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh B. Nay là: xã P, tỉnh V

- *Bị đơn:* - Ông **Huỳnh Phước L**, sinh năm: 1988

- Bà **Trần Thị Thanh H**, sinh năm: 1989 (vợ ông L)

Địa chỉ (cũ): ấp G, xã P, huyện G, tỉnh B.

Nay là xã L, tỉnh V

- Ông **Trần Văn Bình**, sinh năm: 1962 (cha bà H)

Địa chỉ (cũ): ấp C, xã P, huyện G, tỉnh B.

- Ông **Huỳnh Phước L**, sinh năm: 1964 (cha ông L)

Địa chỉ (cũ): ấp G, xã P, huyện G, tỉnh B. Nay là xã L, tỉnh V

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Huỳnh Phước L, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Văn B và ông Huỳnh Phước L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Trung L số tiền nợ gốc là 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)* và 60.000.000đ

(Sáu mươi triệu đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 360.000.000đ *(Ba trăm sáu mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.2. Về án phí: Hai bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về án phí như sau:

Ông Huỳnh Phước L, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Văn B và ông Huỳnh Phước L có nghĩa vụ liên đới chịu án phí DSST là 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)*.

- Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Trung L tự nguyện chịu số tiền án phí DSST có giá ngạch là 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)*. Do bà B, ông L đã nộp tiền tạm ứng án phí là 10.688.000đ *(Mười triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng)* nên được khấu trừ. Thi hành án tỉnh V hoàn lại cho ông L, bà B số tiền là 6.188.000đ (*Sáu triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0007799 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện G (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 7 - V).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSẩ D khu vực 7 – V;
- THADS tỉnh V;
- Phòng GĐKT TAẩ D tỉnh V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Võ Thế Trang Đền